

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm vật tư vải các loại (Số hiệu gói thầu: 19-2026)
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV 19-5, Bộ Công an.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước (LCNT qua mạng) theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Nguồn vốn kinh doanh của Công ty.
- Thời gian thực hiện: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày nghiệm thu hoàn thành hàng hóa.
- Địa điểm giao hàng: Kho Công ty TNHH MTV 19-5, Bộ Công an tại địa chỉ:
- Hà Nội: Khu Công nghiệp an ninh, xã Sơn Đồng, TP Hà Nội.
- Đà Nẵng: Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.
- Hồ Chí Minh: Số 125 Kha Vạn Cân, Phường Linh Xuân, TP. Hồ Chí Minh.
- Số lượng chi tiết hàng hóa được giao như sau:

TT	Tên hàng hóa	ĐVT	Tổng số lượng	Hà Nội	Đà Nẵng	Hồ Chí Minh
1	Vải chéo pê cô 5434 màu rêu đậm khổ 1,5 mét	mét	1.592		1.592	
2	Vải Cotton kháng nước màu mạ non khổ 1,5m	mét	18.000	3.600	6.120	8.280
3	Vải Cotton kháng khuẩn khổ 1,5m	mét	15.000	3.000	5.100	6.900
4	Vải TC lọc bụi khổ 1,5m	mét	15.000	3.000	5.100	6.900

- Chi phí vận chuyển hàng hóa tới địa điểm giao hàng do nhà thầu chịu.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1. Yêu cầu chung:

- Hàng hóa mới 100%, được sản xuất năm 2026 trở về sau, chưa qua sử dụng, sản xuất trong nước. Hàng hóa được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Hàng hóa phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật như sau:

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

1. Tiêu chuẩn kỹ thuật vật tư vải chéo pê cô 5434 màu rêu đậm khổ 1,5 m.

- Vải mới chưa qua sử dụng, màu rêu đậm, mặt vải đồng đều, không bị ố, rách, bẩn, loang màu.

- Chỉ tiêu kỹ thuật:

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Quy định	Dung sai	Phương pháp thử
1	Khổ rộng vải	Cm	150	-1 đến +4	
2	Kiểu dệt		Chéo 2/2		TCVN 4897:1989
3	Chỉ số sợi		Nm		TCVN 5095:1990
	Dọc		54/2	± 5	
	Ngang		34	± 4	
4	Thành phần sợi		Pes/Cotton		TCVN 5465-11:2009
5	Tỷ lệ pha	%	67/33	± 2	TCVN 5465-11:2009
6	Khối lượng 1m ² vải	g/m ²	220	-3% đến +5%	TCVN 8042:2009
7	Mật độ sợi	Sợi/10cm			TCVN 1753:1986
	Dọc		421	-3% đến +5%	
	Ngang		223	-3% đến +5%	
8	Độ bền kéo đứt bằng vải	N			TCVN 1754:1986
	Dọc		1400	≥ 1400	
	Ngang		550	≥ 550	
9	Độ bền màu giặt ở 60°C	Cấp			TCVN 7835-C10:2007
	Phai màu		4	≥ 4	
	Dây màu		4	≥ 4	
10	Độ bền màu ma sát	Cấp			TCVN 4538:2007
	Khô		4	≥ 4	
	Ướt		3	≥ 3	
11	Độ bền màu mồ hôi	Cấp			TCVN 7835-E04:2010
	Phai màu		4	≥ 4	
	Dây màu		4	≥ 4	
12	Độ thay đổi kích thước sau giặt ở 60°C	%			TCVN 8041:2009
	Theo chiều dọc		2,5	≤ 2,5	
	Theo chiều ngang		1,5	≤ 1,5	

2.2. Chỉ tiêu thử nghiệm từng loại vải:

2.2.1. Vải Cotton kháng nước màu mạ non khổ 1,5m (vải lớp ngoài):

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Quy định	Phương pháp thử
1	Thành phần sợi		Cotton	ISO/TR 11827:2012
2	Độ bền màu giặt xà phòng ở 60°C (C3)	Cấp		TCVN 7835-C10:2007
	Thay đổi màu		≥ 4	
	Dây màu		≥ 4	
3	Độ bền màu ánh sáng nhân tạo	Cấp	≥ 4	TCVN 5823:1994
4	Tính kháng thấm nước bề mặt -Phép thử phun tia (Spray test)		ISO 5	TCVN 7423:2004

2.2.2. Vải Cotton kháng khuẩn khổ 1,5m (vải lớp giữa):

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Quy định	Phương pháp thử
1	Thành phần sợi		Cotton	ISO/TR 11827:2012
2	Khả năng kháng khuẩn - Tỷ lệ suy giảm của vi khuẩn (%)			AATCC TM 100-2019
	Escherichia coli	%	≥ 90	
	Staphylococcus aureus	%	≥ 90	

2.2.3. Vải TC lọc bụi khổ 1,5m (vải lớp trong):

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Quy định	Phương pháp thử
1	Thành phần sợi		Polyester/Cotton	ISO/TR 11827:2012
	Tỷ lệ pha	%	87/13 (± 3)	TCVN 5465-1,11:2009
2	Các kim loại nặng trong vải			TCVN 8389-1:2010 (Mục 4.6)
	Asen (As)	mg/kg	$\leq 0,17$	
	Chì (Pb)	mg/kg	$\leq 1,0$	
	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	$\leq 0,12$	
	Antimon (Sb)	mg/kg	$\leq 0,1$	
	Cadimi (Cd)	mg/kg	$\leq 0,1$	

** Trường hợp tại thời điểm kiểm tra thử nghiệm, nếu đơn vị thử nghiệm có sự thay đổi về phương pháp thử thì phương pháp thử được cập nhật thay thế.*

3. Các yêu cầu khác:

Yêu cầu về hàng mẫu: Để có căn cứ đánh giá thông số kỹ thuật của hàng hoá chào thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật tại E-HSDT nhà thầu phải cung cấp hàng mẫu bao gồm:

1. Vải chéo pê cô 5434 màu rêu đậm khổ 1,5m: 02 mét.
2. Vải Cotton kháng nước màu mạ non khổ 1,5m: 02 mét.
3. Vải Cotton kháng khuẩn khổ 1,5m: 02 mét.

4. Vải TC lọc bụi khổ 1,5m: 02 mét.

Hàng mẫu được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến địa chỉ Công ty TNHH MTV 19-5, Bộ Công an, địa chỉ: Số 98 đường Chiến Thắng, P. Hà Đông, Hà Nội; ĐT: 024-3854.5632 muộn nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu để Chủ đầu tư đánh giá về kỹ thuật. Chủ đầu tư có thể thuê đơn vị độc lập kiểm tra, đánh giá hàng mẫu do Nhà thầu cung cấp theo các yêu cầu kỹ thuật quy định tại E-HSMT. Trong quá trình kiểm tra nếu không đủ mẫu hoặc mẫu không đạt tiêu chuẩn thì sẽ bị đánh giá là không đạt yêu cầu.

4. Kiểm tra và thử nghiệm:

- Chủ đầu tư sẽ kiểm tra, kiểm định với bất kỳ hàng hóa nào để xác định chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật giữa yêu cầu của E-HSMT, cam kết của nhà thầu và thực tế hàng hóa khi bàn giao (nếu cần thiết) làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

+ Kiểm tra màu sắc, chất liệu (nếu có);

+ Kiểm tra trọng lượng (cân, đo) (nếu có);

+ Kiểm tra các chỉ tiêu khác (Kết quả thử nghiệm của cơ quan chức năng) (nếu có).